

BẢNG SỐ 13: GIÁ Ở TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LẮK NĂM 2010

(Kèm theo Quyết định số 42/2009/QĐ-UBND, ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân tỉnh Đắk Lắk)

TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
I	THỊ TRẤN LIÊN SON			
1	Nguyễn Tất Thành	Giáp xã Bông Krang	Giáp đầu đường Nguyễn Đình Chiểu	600,000
		Giáp đầu đường Nguyễn Đình Chiểu	Cổng chính trụ sở Công an huyện	1,200,000
		Cổng chính trụ sở Công an huyện	Đầu đường Võ Thị Sáu	1,200,000
		Đầu đường Võ Thị Sáu	Đầu đường Nguyễn Trung Trực	2,000,000
		Đầu đường Nguyễn Trung Trực	Đầu đường Y Jút	2,700,000
		Đầu đường Y Jút	Đầu đường Lê Quý Đôn	1,700,000
		Đầu đường Lê Quý Đôn	Giáp xã Đăk liêng	1,300,000
2	Nơ Trang Long	Đầu Nơ Trang Long	Cuối Nơ Trang Long	2,000,000
3	Ấu Cơ	Nơ Trang Long	Hết Khu nhà nghỉ du lịch	800,000
4	Nguyễn Thị Minh Khai	Nơ Trang Long	Hùng Vương	1,000,000
5	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Tất Thành	Hồ Lắk	300,000
6	Tô Hiệu	Nguyễn Tất Thành	Cổng chính Nghĩa địa	200,000
7	Phạm Ngọc Thạch	Nguyễn Tất Thành	Cổng chính Trạm khí tượng thủy văn	500,000
8	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Tất Thành	Đầu Đập Buôn Đông Kriêng	400,000
		Đầu Đập Buôn Đông Kriêng	Đầu Đập Hóc Môn	100,000
9	Chu Văn An	Giáp Nơ Trang Gưh	Hết đường	250,000
10	Nơ Trang Gưh	Nguyễn Tất Thành	Hết đường	500,000
11	Võ Thị Sáu	Giáp Nguyễn Tất Thành	Hết đường	400,000
12	Nguyễn Du	Nguyễn Tất Thành	Giáp Nơ Trang Long	1,000,000
13	Phan Bội Châu	Nguyễn Tất Thành	Giáp Nơ Trang Long	1,000,000
14	Hồ Xuân Hương	Đầu đường Hồ Xuân Hương	Hết đường	400,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
15	Hùng Vương	Tôn Thất Tùng	Đường Âu cơ	800,000
16	Trần Phú	Tôn Thất Tùng	Nguyễn Thị Minh Khai	700,000
17	Y Ngông	Đường Âu cơ	Y Jút	700,000
18	Tôn Thất Tùng	Nơ Trang Long	Y Ngông	1,500,000
19	Âu Cơ	Đầu đường Nguyễn Huệ	Đến giáp Y Ngông	400,000
20	Nguyễn Văn Trỗi	Nơ Trang Long	Hùng Vương	1,000,000
21	Nguyễn Trung Trực	Nguyễn Tất Thành	Bà Triệu	800,000
22	Lạc Long Quân	Tôn Thất Tùng	Hai Bà Trưng	800,000
23	Lê Hồng Phong	Tôn Thất Tùng	Y Jút	800,000
24	Khu dân cư Hợp thành	Giáp Chợ Thị trấn Liên sơn	Hết vườn nhà cô Xuyên	400,000
25	Đường liên cư thuộc khu dân cư Hợp thành (sau trường Nguyễn trãi)			400,000
26	Y Jút	Nguyễn Tất Thành	Hết Buôn Jun	1,000,000
27	Lê Quý Đôn	Nguyễn Tất Thành	Nguyễn Trãi	200,000
28	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Tất Thành	Hết vườn nhà ông Hê	600,000
		Hết vườn nhà ông Hê	Giáp Buôn Yuk La, Đăk liêng	450,000
29	Lê Lai	Nguyễn Tất Thành	Lý Thường Kiệt	1,500,000
30	Trần Bình Trọng	Lý Thường Kiệt	Giáp Đình Tiên Hoàng	500,000
31	Đình Tiên Hoàng	Giáp Lý Thường Kiệt	Giáp Trần Bình Trọng	500,000
		Giáp Trần Bình Trọng	Hết đường	200,000
32	Điện Biên Phủ	Giáp Lý Thường Kiệt	Giáp xã Đăk liêng	300,000
33	Đình Núp(Đường đi buôn Mliêng)	Giáp Nguyễn Tất Thành	Cán trường buôn Mliêng (Đáp an qua buôn)	500,000
34	Bà triệu	Giáp Ng Tất Thành (Đor chen ma MUET)	Hết khu dân cư	500,000
35	Ngô Quyền	Giáp Nguyễn Tất Thành	Giao nhau với đường Y Ngông	500,000
36	Hai Bà Trưng	Giáp Nguyễn Tất Thành	Giao nhau với đường Lê Hồng Phong	800,000
37	Nguyễn Công Trứ	Giáp Ng Tất Thành (Cổng thôn văn hóa)	Vào khu dân cư thôn hòa thắng	400,000
38	Đường Lương Thế Vinh	Giáp Nguyễn Tất Thành	Giao nhau với đường Nguyễn Đình Chiểu	200,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
39	Các con đường còn lại			150,000
40	Khu dân cư còn lại			100,000
II Xã Giang Tao				
1	Quốc lộ 27	Giáp Krông Bông	Chân đèo xã Giang tao (Km 36+400)	60,000
		Chân đèo xã Giang tao (Km 36+400)	Ngã ba đường đi buôn Dong Guôl	200,000
		Ngã ba đường đi buôn Dong Guôl	Giáp xã Bông Krang	300,000
2	Đường đi Buôn Rung	Ngã 3 Quốc lộ 27	Hết buôn Drung	100,000
3	Đường đi Buôn Năm Pă	Ngã 3 Quốc lộ 27	Hết buôn Năm Pă	60,000
4	Đường đi lò gạch	Ngã 3 buôn Yok Đuôn	Hết khu lò gạch	50,000
5	Đường từ Buôn Yok Đuôn (sau cầu)	Ngã 3 Quốc lộ 27	Đến Trạm Bơm	60,000
6	Khu dân cư còn lại			20,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$			40,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5m$			30,000
III Xã Bông Krang				
1	Quốc lộ 27	Đầu cầu Đắk Pok (giáp Giang tao)	Cổng bản Bông Krang	200,000
		Từ cổng bản Bông Krang	Hết khu dân cư thôn sân bay	600,000
		Hết khu dân cư thôn sân bay	Cổng bản (đầu Buôn Mạ)	150,000
		Cổng bản (đầu Buôn Mạ)	Giáp Thị trấn Liên Sơn	300,000
2	Đường đi buôn Daju, Hăng Ja	Ngã 3 Trạm bơm buôn Mạ	Ngã 3 Buôn Đắk Ju	150,000
		Ngã 3 Buôn Da Ju	Hết buôn Hăng Ja	100,000
3	Khu dân cư còn lại			30,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$			70,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5m$			50,000
IV Xã Đắk Liêng				
1	Quốc lộ 27	Giáp Thị trấn Liên Sơn	Km 48	1,200,000
		Km 48	Ngã 3 buôn Dren A	700,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
		Ngã 3 buôn Dren A	Km 50	800,000
		Km 50	Giáp xã Đăk nuê	300,000
2	Tỉnh lộ 687	Ngã 3 Quốc lộ 27	+200m (tỉnh lộ 687)	1,000,000
		+200m (tỉnh lộ 687)	Cổng Buôn Juk	900,000
		Cổng Buôn Juk	Đầu cầu Quảng trạch	500,000
		Đầu cầu Quảng trạch	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Vượt	600,000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Vượt	Giáp xã buôn Tría	250,000
3	Đường đi buôn Juk La	Giáp Thôn Đoàn Kết Liên Sơn	Cổng Yuk La 1	450,000
		Cổng Yuk La I	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Y Lịch Kuan	100,000
4	Đường đi xã Đăk phơi	Ngã 3 Quốc lộ 27	Giáp xã Đăk phơi	200,000
5	Khu dân cư còn lại			40,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5\text{m}$			80,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5\text{m}$			60,000
V	Xã Buôn Tría			
1	Tỉnh lộ 687	Giáp xã Đăk Liêng	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Nung (Liên kết 1)	200,000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Nung (Liên kết 1)	Giáp Buôn Triết	300,000
2	Khu dân cư còn lại			30,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5\text{m}$			80,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5\text{m}$			60,000
VI	Xã Buôn Triết			
1	Tỉnh lộ 687	Giáp xã Buôn Tría	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Thứ - thôn Đoàn kết 1	200,000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Thứ - thôn Đoàn kết 1	Cổng trạm y tế - Đoàn kết 2	250,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
		Cổng trạm y tế - Đoàn kết 2	Ngã 3 đường đi buôn Ung Rung	300,000
		Ngã 3 đường đi buôn Ung Rung	Ngã 3 thôn Đồng Tâm	150,000
		Ngã 3 thôn Đồng Tâm	Chân đập buôn Triết	100,000
2	Đường đi Mê Linh, Bến đò	Ngã 3 tỉnh lộ 687	Cổng Bà Đắc	250,000
		Cổng Bà Đắc	Hết Mê Linh 2	200,000
		Hết Mê Linh 2	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Vỡ - Mê Linh 1	150,000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Vỡ - Mê Linh 1	Bến đò	100,000
3	Đường thôn Đoàn kết 1	Tỉnh lộ 687	Xóm Đoàn kết 1	100,000
4	Đường thôn Mê Linh 2	Cổng chính trường Nguyễn Bình Khiêm	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Điền - Mê linh 1	70,000
5	Đường đi Buôn Tung 3	Từ ngã 3 đi bến đò	Buôn Tung 3	50,000
6	Khu dân cư còn lại			25,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$			50,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5m$			40,000
VII Xã Đăk phoi				
1	Đường đi Đăk phoi	Giáp xã Đăk liêng	Ngã 3 buôn Chiêng Cao	150,000
		Ngã 3 buôn Chiêng Cao	Ngã 3 Đài tưởng niệm	250,000
2	Đường đi buôn Năm, buôn Đung, Buôn Tơ Lông	Ngã 3 Đài tưởng niệm	Hết buôn Năm, buôn Đung, Buôn Tơ Lông	100,000
3	Đường đi buôn Du Mah	Ngã 3 Đài tưởng niệm	Hết buôn Du Mah	100,000
4	Đường đi buôn Chiêng Cao	Ngã 3 đường trục chính	Hết buôn Chiêng cao	100,000
5	Đường đi xã Đăk Nuê	Ngã 3 đường trục chính	Giáp xã Đăk nuê	100,000
6	Đường buôn T'lông đi thôn Cao bằng	Cuối buôn T'lông	Hết thôn Cao bằng	100,000
7	Đường Đăk Liêng đi Đăk Phoi	Giáp Yut La- xã Đăk Liêng	Ngã 3 Đăk Hoa	100,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
8	Khu dân cư còn lại			20,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5\text{m}$			40,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5\text{m}$			30,000
VIII	Xã Đăk Nuê			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Đăk Liêng	Ngã ba đường đi Buôn Triết	500,000
		Ngã ba đường đi Buôn Triết	Đầu cầu buôn Mih	400,000
		Đầu cầu buôn Mih	Hết Buôn Kdiê	150,000
		Hết Buôn Kdiê	Giáp xã Krông Nô	100,000
2	Đường đi Yên thành 1	Ngã 3 Quốc lộ 27	Đầu cầu Yên thành 1	80,000
		Đầu cầu Yên thành 1	Hết Yên thành 1	60,000
3	Đường đi Yên thành 2	Ngã 3 Quốc lộ 27	Đầu cầu Yên thành 2	80,000
		Đầu cầu Yên thành 2	Hết Yên thành 2	60,000
4	Đường Liên xã	Ngã 3 Quốc lộ 27	Cổng chính trường học buôn Dăm 1	200,000
		Ngã 3 Quốc lộ 27(Nhà ông Dũng Chi)	Cổng chính trường học buôn Dăm 1	150,000
5	Khu dân cư còn lại			25,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5\text{m}$			80,000
	Đường có chiều rộng $< 3,5\text{m}$			60,000
IX	Xã Krông Nô			
1	Quốc lộ 27	Giáp xã Nam Ka	Suối Đăk Diêng sâu	100,000
		Suối Đăk Diêng sâu	Điểm cuối cửa hàng xăng dầu (C.Ty Nam Tây Nguyên)	300,000
		Điểm cuối cửa hàng xăng dầu (C.Ty Nam Tây Nguyên)	Đầu cầu Krông Nô	1,200,000
2	Đường Đi buôn Trang Yuk	Ngã 3 Quốc lộ 27	Cổng bản buôn Phi Dìh Ja	400,000
		Cổng bản buôn Phi Dìh Ja	Cầu Đăk Mei	200,000
3	Khu dân cư còn lại			20,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5\text{m}$			60,000

TT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		Mức giá
		Từ	Đến	
	Đường có chiều rộng < 3,5m			40,000
X	Xã Ea Rbin			
1	Đường đi buôn Plao Siêng	Trụ sở UBND xã	Hết buôn Plao Siêng	100,000
2	Đường TL mới mở	Giáp xã Nam Ka	Cổng chính trụ sở UBND xã	100,000
3	Đường đi buôn Lách Ló	Ngã 3 buôn Lan Thái	Hết buôn Sa Puôk	100,000
4	Khu dân cư còn lại			40,000
XI	Xã Nam Ka			
1	Đường liên thôn	Đèo Nam Ka	Bến đò	200,000
2	Đường liên thôn	Ngã 3 trạm y tế xã Nam Ka	Đầu cầu Tua Srah	200,000
		Đầu cầu Tua srah	Giáp xã EaRbin	60,000
3	Khu dân cư còn lại			15,000
	Đường có chiều rộng $\geq 3,5m$			60,000
	Đường có chiều rộng < 3,5m			40,000